

Bản án: 583/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/05/2021

V/v “*Tranh chấp về ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Xuân

Hội thẩm nhân dân : Bà Bùi Thị Cẩm Vân

: Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Thư ký tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh: Không tham gia phiên tòa

Ngày 10 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1348/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, Sinh năm 1984, địa chỉ: 9F Quán Tre 2, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1974, địa chỉ: 186/22 Phan Văn Trị, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn M kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chỉ hạnh phúc thời gian đầu, về sau cả hai không còn hạnh phúc do cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng không giải quyết được. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn M. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/04/2017, bà K yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có.

Bị đơn, sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập và quyết định xét xử nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh không tham gia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả thảo luận về những vấn đề cần giải quyết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức, thẩm quyền giải quyết:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa bà K và ông M là tranh chấp về “Ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì hiện nay bị đơn đang cư trú tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về phần thủ tục: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa do tất cả những người tham gia tố tụng vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh (giấy đăng ký kết hôn số 36/2016). Quá trình chung sống chỉ hạnh phúc thời gian đầu, về sau không hạnh phúc, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng luôn có bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được, hiện cả hai đã sống ly thân. Nay, thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Hội đồng xét xử xét: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì tòa án quyết định cho ly hôn. Bà K và ông M kết hôn nhưng chỉ hạnh phúc thời gian đầu, về sau không còn hạnh phúc, nguyên nhân được xác định là do cuộc sống vợ chồng luôn có bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bà K vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn nên hòa giải đoàn tụ không thành; bà cũng đã từng nộp đơn ly hôn, sau đó rút đơn lại nhưng vẫn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, hiện nay cả hai đã sống ly thân. Từ tình tiết và nhận định trên cho thấy tình cảm, mục đích hôn nhân giữa bà K và ông M là không còn. Vì vậy yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về con chung: Có một con chung là cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/4/2017, từ trước đến nay sống với bà K, nay ly hôn bà yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Không có.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 146, Điều 203, Điều 208, Điều 220, 227, 228, 238, Điều 273 và Điều 279 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, 54, 56, 57, 58, 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K, sinh ngày 01/01/1984:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K, sinh ngày 01/01/1984 được ly hôn với ông Nguyễn Văn M, sinh ngày 07/11/1974.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/4/2017 cho bà Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng. Bà K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Ông M được quyền thăm nom, chăm sóc, con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc tiền cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, bà K nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0088263 ngày 27/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà K đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- THA Dân sự Q. Bình Thạnh ;
- UBND phường nơi ĐKKH
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Xuân